TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒN ĐẤT** **T. KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2020/DSST
Ngày 30/12/2020
Về việc: *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Đoạt

2. Bà Phạm Hồng Gái

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đỗ Thị Mộng Trinh – Thư ký TAND huyện Hòn Đất.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa*:** Không.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 236/2020/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2020 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2020/QĐXX-DS ngày 24 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty Trách nhiệm hữu hạn AN**

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trương Thị Thủy Trường – Chức vụ: Giám đốc.

Trụ sở: Lô H7, đường số 5 khu công nghiệp Hải Sơn, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm Lộc H**, sinh năm 1962. Chức vụ: Phụ trách Pháp lý. (Ông H có mặt)

Địa chỉ: Số 304 C1 đường Tân V, phường 6, Quận 4, TP.Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông **Trần Minh T** (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Ranh Hạt, xã BG, huyện HĐ, tỉnh Kg.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Trần Thế V (vắng mặt)

Bà Nguyễn Thị X (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Ranh Hạt, xã BG, huyện HĐ, tỉnh Kg.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/5/2020 nguyên đơn Công ty TNHH AN trình bày như sau:*

Cửa hàng mua bán vật tư nông nghiệp Minh T do ông Trần Minh T làm chủ có mua thuốc bảo vệ thực vật của Công ty TNHH AN từ tháng 11/2010. Ông Trần Thế V và bà Nguyễn Thị X đại diện cửa hàng liên hệ Công ty mua thuốc bảo vệ thực vật tổng cộng 03 lần là vào ngày 08/11/2010; ngày 22/11/2010 và ngày 03/12/2011. Theo thỏa thuận Công ty sẽ cho nợ 90 ngày, sau 90 ngày cửa hàng có trách nhiệm thanh toán số tiền hàng cho Công ty, tuy nhiên đến nay ông T, ông V, bà X vẫn không thực hiện việc thanh toán nợ này. Tổng số tiền nợ 142.292.000 đồng, trừ số tiền được chiết khấu 5.612.640 đồng, còn lại 136.679.360 đồng.

Ngày 02/12/2011 ông Trần Thế V đại diện cho cửa hàng vật tư nông nghiệp Minh T ký tên vào biên bản đối chiếu công nợ, xác nhận còn nợ Công ty AN số tiền 136.679.360 đồng và có yêu cầu mua tiếp 1 đơn hàng nên ngày 03/12/2011 Công ty AN xuất tiếp cho cửa hàng vật tư nông nghiệp Minh T số hàng hóa trị giá 4.320.000 đồng theo phiếu xuất số 0224.

Đến ngày 27/7/2012 sau khi đối chiếu công nợ, ông Trần Minh T đại diện cửa hàng ký xác nhận nợ Công ty AN số tiền 140.999.360 đồng.

Sau nhiều lần liên lạc thu hồi tiền nợ, ngày 31/10/2012 Công ty AN có thu về một số hàng còn tồn tại Cửa hàng vật tư nông nghiệp Minh T và giảm trừ được số tiền 35.240.900 đồng nên số nợ còn lại là 105.758.460 đồng.

Nay Công ty AN khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Minh T, ông Trần Thế V và bà Nguyễn Thị X có phải trả cho Công ty AN số tiền nợ gốc 105.758.460 là đồng và lãi tạm tính từ ngày 31/10/2012 (ngày Công ty thu hồi hàng về) đến ngày 31/12/2016 là 105.758.460 đồng x 0,75%/tháng x 50 tháng = 39.659.422 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 145.417.800 đồng.

Tại phiên tòa ông Phạm Lộc H – người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu rút một phần nội dung khởi kiện, không yêu cầu tính lãi đối với số nợ gốc 105.758.460 đồng.

** Đối với bị đơn ông Trần Minh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thế V, bà Nguyễn Thị X:*

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho ông T, ông V và bà X, tuy nhiên các ông bà này từ chối nhận các Thông báo của Tòa án và không có văn bản gì thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên không có lời khai tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Công ty TNHH AN khởi kiện yêu cầu ông Trần Minh T, ông Trần Thế V, bà Nguyễn Thị X trả số tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu là 105.758.460 đồng. Bị đơn cư trú tại ấp Ranh Hạt, xã Bình Giang, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Xét thấy đây là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về nội dung vụ án:

Từ năm 2010 đến năm 2011 Cửa hàng vật tư nông nghiệp Minh T có mua thuốc bảo vệ thực vật của Công ty TNHH AN nhiều lần, cụ thể:

- Ngày 08/11/2070 phiếu cuất số 530 trị giá 100.316.000 đồng.
- Ngày 08/11/2010 phiếu xuất số 536 trị giá 16.776.000 đồng.
- Ngày 08/11/2010 phiếu xuất số 537 trị giá 11.660.000 đồng
- Ngày 22/11/2010 phiếu xuất số 1451 trị giá 13.540.000 đồng
- Ngày 03/12/2011 phiếu xuất số 0224 trị giá 4.320.000 đồng.

Đại diện cửa hàng vật tư nông nghiệp Minh T là ông Trần Thế V và ông Trần Minh T đã ký vào biên bản xác nhận công nợ ngày 02/12/2011 và ngày 27/07/2012 xác nhận số nợ là 140.999.360 đồng (Bút lục số 14, 17).

Đến ngày 31/10/2012 Công ty AN có thu về một số hàng còn tồn tại Cửa hàng vật tư nông nghiệp Minh T và giảm trừ được số tiền 35.240.900 đồng nên số nợ còn lại là 105.758.460 đồng.

Trong suốt thời gian chuẩn bị xét xử, ông Trần Minh T, ông Trần Thế V và bà Nguyễn Thị X không có mặt tại Tòa án để chứng minh bảo vệ quyền và lợi ích hợp

pháp cho mình. Do đó nội dung khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu ông T, ông V, bà X phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho Công ty TNHH AN số tiền 105.758.460 đồng là có cơ sở để chấp nhận, phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về yêu cầu tính lãi: Tại phiên tòa ông Phạm Lộc H – người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu được rút một phần nội dung khởi kiện, không yêu cầu tính lãi đối với số nợ gốc 105.758.460 đồng nên HĐXX ghi nhận, đình chỉ yêu cầu này của nguyên đơn.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận nghị án, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông T, ông V, bà X có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 105.758.460 đồng.

[4] Về án phí:

- Ông T, ông V, bà X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch làm tròn là 5.288.000 đồng (105.758.460 đồng x 5%).

- Công ty TNHH AN được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn AN.

Buộc ông Trần Minh T, ông Trần Thế V, bà Nguyễn Thị X có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH AN số tiền gốc là 105.758.460 đồng (Một trăm linh năm triệu, bảy trăm năm mươi tám ngàn, bốn trăm sáu mươi đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp khoản tiền trên, người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc không yêu cầu tính lãi.

3/. Về án phí DSST: Ông Trần Minh T, ông Trần Thế V, bà Nguyễn Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5.288.000 đồng (Năm triệu, hai trăm tám mươi tám ngàn đồng).

Hoàn trả lại cho Công ty TNHH AN số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.630.000 đồng (Ba triệu, sáu trăm ba mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001004 ngày 24/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

4/. Quyền kháng cáo: Án xử công khai. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Trần Minh T, ông Trần Thế V, bà Nguyễn Thị X vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS cùng cấp;
- Đương sự:
- Lưu.

Nguyễn Thị Cúc